

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày: 25/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Sô Tha

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hữu Thuận.

Ông Kim Ngọc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1957 và bà Hà Thị B, sinh năm 1957; chồng: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo bị khởi tố ngày 24/01/2018 và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/3/2018 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Anh Lương Thanh H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1. Chị Phan Ngọc H, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Phạm Hồng V, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 21/01/2018 chị H, chị T, anh V có tổ chức uống bia tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị M ngụ ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh đến khoảng 17 giờ thì chị H gọi điện thoại cho anh H, anh V và bị cáo cùng đến uống bia, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì mọi người rủ nhau đi hát Karaoke, trước khi đi anh H và bị cáo đi vệ sinh, sau khi đi vệ sinh xong, thấy bị cáo chưa trở ra, anh H đến trước phòng vệ sinh của bị cáo thúc giục và đẩy cửa vào trong, đồng thời có hành động ôm hôn nhau qua lại. Trong lúc thực hiện hành vi ôm nhau lợi dụng lúc anh H mất cảnh giác, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tiền nên đã lén đưa tay trái vào túi quần bên phải của anh H lấy một cái ví đựng tiền ra phía trước rồi dùng tay phải lục soát trong ví lấy ra nhiều tờ tiền, không rõ mệnh giá rồi cất giấu vào túi quần phía trước bên trái của bị cáo, còn ví tiền và các giấy tờ bị cáo vứt bỏ xuống nền nhà.

Thấy bị cáo đi vệ sinh lâu không trở ra, chị T đến trước cửa phòng vệ sinh của bị cáo thúc giục “sau lâu quá” thì bị cáo dùng tay trái lấy tiền vừa trộm được cất giấu trong quần lót phía sau lưng. Lúc này, anh H mở đèn chiếu sáng phát hiện cái ví cùng nhiều tờ tiền và các giấy tờ tùy thân của mình rớt trên nền nhà vệ sinh. Sau khi kiểm tra phát hiện mất số tiền 3.000.000đ, anh H có hỏi bị cáo có lấy tiền thì trả lại nhưng bị cáo trả lời không có nên anh H trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện T. Qua làm việc bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp lại số tiền 3.000.000đ đã trộm được cho Cơ quan điều tra gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tang vật của vụ án và trả lại cho chủ sở hữu là anh Lương Thanh H quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Thanh H, đã nhận được đủ số tiền nên không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 19/CT-VKSTC ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú truy tố bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thừa nhận những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là do bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo là hoàn toàn đúng đắn, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú: Sau khi phân tích các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Đại diện Viện kiểm sát quyết

định giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 (chín) tháng đến 01(một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lương Thanh H đã nhận lại số tiền 3.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị hại không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra hồ sơ vụ án cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 21/01/2018 lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc bảo quản tài sản của bị hại nên bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 3.000.000đ của bị hại anh Lương Thanh H.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự ở địa phương. Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với ý thức coi thường pháp luật đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần dành cho bị cáo bản án nghiêm, tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, gia

đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng đáp ứng được yêu cầu đấu tranh giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 25/5/2018.

Giao Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh, nơi bị cáo T cư trú để quản lý, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CA huyện Trà Cú;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Những người TGTT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha